

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

Về việc: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hệ;

2. Ông Trần Hữu Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/9/2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế O, sinh năm 1965 - Có mặt.

HKTT: Số MNB đường C2, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Phòng KL Chung cư HP, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 - Vắng mặt.

HKTT: Số MNB đường C2, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi công tác: Ban MK Sở RP tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thế O trình bày:

Anh Nguyễn Thế O và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 1991 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện KT, tỉnh Hải Hưng, nay là huyện AT, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại huyện AT, anh O công tác tại Công an tỉnh Hưng Yên, chị T ở nhà. Đến năm 1997 vợ chồng anh O chuyển lên thành phố H ở. Năm 1998 anh O xin cho chị T vào công tác tại UBND tỉnh Hưng Yên. Năm 1999 vợ chồng anh O xảy ra mâu thuẫn do anh O phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình bên ngoài thông qua tin nhắn ở điện thoại của chị T, cơ quan xì xào bàn tán, đêm hôm chị T còn đi gặp người tình.

Bản thân chị T đã thừa nhận và hai lần quỳ xuống xin anh O tha thứ. Tuy nhiên chị T vẫn chứng nào tật đấy, không chịu thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lúc do nóng giận anh O đã đánh chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009. Đến năm 2013 anh O đã nộp đơn xin ly hôn chị T. Quá trình Tòa án giải quyết, chị T cũng đã xác nhận vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Sau đó vì các con, anh O đã xin rút đơn để các cháu yên tâm học tập. Sau khi rút đơn, cuộc sống tình cảm vợ chồng không có gì thay đổi. Tuy sống trong cùng một nhà nhưng vợ chồng không ăn chung, không nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm, không chung kinh tế, không quan hệ tình dục. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh O đã ra ở riêng tại Chung cư PH. Do thấy không còn tình cảm với chị T nữa nên anh O cũng có đi quan hệ với người phụ nữ khác. Đến nay anh O xác định cuộc sống hôn nhân của anh O và chị T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh O đề nghị Tòa án giải quyết cho anh O được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh O có hai con chung là Nguyễn Thế A, sinh năm 1992 và Nguyễn Hoàng A2, sinh năm 2001. Cháu Thế A hiện đang công tác tại Công An xã HV, huyện AT, tỉnh Hưng Yên, cháu đã có vợ con. Cháu Hoàng A2 đang học tại Trường Đại ML thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai cháu đều đã trưởng thành nên anh O không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận xong nên không đề nghị giải quyết. Hai cháu Thế A và Hoàng A2 không có tài sản gì liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Tại văn bản ngày 24/9/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế O đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã TH, huyện KT, tỉnh Hải Hưng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng luôn và ở nhiều nơi. Theo chị T thì sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Năm 2013 anh O làm đơn xin ly hôn chị T, đó là do anh O đơn phương xin ly hôn, còn về phía chị T thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Sau đó anh O lại rút đơn về. Sau khi rút đơn, vợ chồng vẫn chung sống ở một nhà ở MNB đường C2. Thời gian gần đây chủ yếu chỉ có chị T ở nhà, còn anh O ra ngoài làm ăn nhưng vẫn về nhà. Vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi dạy các con khôn lớn và trưởng thành. Thời gian gần đây anh O có quan hệ tình cảm vợ chồng bên ngoài, chị T có biết nhưng bỏ qua vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con cái, chị T muốn giữ một mái nhà có đầy đủ cho con cái sau này. Do anh O có quan hệ ăn ở như vợ chồng với người đàn bà khác nên đã xin ly hôn, chị T đề nghị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế T, đã đổi thành Nguyễn Thế A, sinh năm 1992 và Nguyễn Hoàng A2, sinh năm 2001. Cả hai cháu đều đã trưởng thành. Cháu Thế A hiện đang công tác tại Công An huyện AT, tỉnh Hưng Yên, cháu đã có vợ con. Cháu Hoàng A2 đang học tại Trường Đại học ML thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị giải quyết nhưng chị T sẽ xem xét lại, có thể sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị T đến làm việc và hòa giải nhưng chị T không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không thể tiến hành lấy lời khai bổ sung của chị T và cũng không tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 08 tháng 9 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn anh Nguyễn Thế O giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã thực hiện nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thế O được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Không giải quyết do cả hai con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh O phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Thế O yêu cầu giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, HKTT: Số MNB đường C2, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Thế O và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện KT, tỉnh Hải Hưng, nay là thị trấn AT, tỉnh Hưng Yên. Như vậy hôn nhân giữa anh O và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh O: Theo anh Nguyễn Thế O thì năm 1999 vợ chồng anh O xảy ra mâu thuẫn do anh O phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình. Chị T đã thừa nhận và xin anh O tha thứ. Do chị T không chịu thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lúc do nóng giận anh O đã đánh chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009. Năm 2013 anh O đã nộp đơn xin ly hôn chị T. Mặc dù chị T xác nhận vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn nhưng vì các con, anh O đã xin rút đơn để các cháu yên tâm học tập. Nhưng theo chị T thì sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Năm 2013 anh O làm đơn xin ly hôn chị T, đó là do anh O đơn phương xin ly hôn, còn về phía chị T thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên tại Bản tự khai ngày 03/01/2014 chị T đã khai: Từ năm 1998 đến nay chúng tôi sống với nhau không có hạnh phúc, không có quan điểm sống hợp nhau, hay nảy sinh những mối bất hòa về cuộc sống hạnh phúc gia đình. Nghiêm trọng hơn nữa là vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nguyên nhân trong cuộc sống mà tôi nhận thấy chúng tôi không thể có quan điểm sống chung với nhau được nữa về mọi mặt mà cuộc sống không thể hòa hợp. Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho chúng tôi được ly hôn (BL số 54 - 55). Tại các phiên hòa giải ngày 11/3/2014 và ngày 23/4/2014 chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn (BL từ số 58 đến 65).

Về mâu thuẫn vợ chồng anh O, chị T được ông Nguyễn Thanh Q - Bố đẻ chị T cung cấp: Thời gian gần đây qua nắm bắt tình hình tôi được biết vợ chồng anh O, chị T có mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân do anh O có quan hệ ngoại tình dẫn đến chị T bức tức đã ứng xử không đúng mực với anh O, còn không nấu cơm cho anh O. Vợ chồng anh O mâu thuẫn từ năm 2009 cho đến nay. Hiện nay vợ chồng anh O sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai (BL số 79). Ông Nguyễn Xuân Thứ - Bố đẻ anh O cung cấp: Cách đây hơn chục năm thì tôi biết vợ chồng anh O có mâu thuẫn. Gia đình tôi nghe nói là chị T có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng hay cãi nhau rồi sống ly thân. Kể từ đó chị T không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người con dâu. Chị T không nấu cơm cho anh O ăn, không qua lại nhà tôi. Anh O chán nản cũng có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn, mỗi người sống một nơi (BL số 53). Con trai anh O là Nguyễn Thế Anh cũng xác nhận: Trong cuộc sống gia đình, bố mẹ tôi đã có mâu thuẫn với nhau từ 10 năm trước (BL số 85).

Từ những chứng cứ trên xác định vợ chồng anh O, chị T xảy ra mâu thuẫn từ năm 1998. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có quan điểm sống hợp nhau, hay nảy sinh những mối bất hòa về cuộc sống hạnh phúc gia đình. Ngoài ra anh O cho rằng chị T có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009. Năm 2013 anh O đã làm đơn xin ly hôn chị T, bản thân chị T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên

nhất trí ly hôn. Sau đó vì con cái, anh O đã xin rút đơn ly hôn. Tuy nhiên sau khi rút đơn thì vợ chồng vẫn sống ly thân, không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Bản thân anh O cũng có quan hệ ngoại tình với người khác và cũng không sống chung cùng nhà với chị T nữa. Cả hai đều không gặp gỡ nhau để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng anh O, chị T xảy ra và kéo dài hơn 10 năm, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh O xin được ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1992 và Nguyễn Hoàng Anh, sinh năm 2001. Do cả hai cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh O thì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng anh đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung của vợ chồng nên không đề nghị quyết. Do chị T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được việc anh chị đã tự thỏa xong về tài sản. Mặt khác tại Biên bản lấy lời khai 24/9/2019 chị T cũng không đề nghị giải quyết. Do vậy sẽ không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh O, chị T trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có đơn yêu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh O phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thế O được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế A, sinh năm 1992 và Nguyễn Hoàng A2, sinh năm 2001. Do các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thế O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ anh O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000467 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Anh O đã nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. H;
- Các đ-ơng sự;
- TA tỉnh H;
- THA dân sự TP. H;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý